

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2025/DS- PT

Ngày: 16-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng, bà Nguyễn Thị Hằng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền— Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Thân Mạnh Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2025/TLPT-DS ngày 15/8/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2025/QĐ-PT ngày 18/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2025/QĐ-PT ngày 04/9/2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà C, đường T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là địa chỉ: Nhà C, đường T, xã L, tỉnh Bắc Ninh).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà số A, đường Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là địa chỉ: Nhà số A, đường Đ, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thế T- Công ty L2- Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là địa chỉ: Số C, đường N, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

2. Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà C, đường T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là địa chỉ: Nhà C, đường T, xã L, tỉnh Bắc Ninh).

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Bắc Ninh, tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L, có mối quan hệ là họ hàng, bà L và bà Nguyễn Thị T1 là chị em ruột. Thời điểm năm 2012 bà L kinh doanh xăng dầu, trước thời điểm ngày 14/12/2012 hai người này có vay ông tổng số tiền 720.000.000 đồng, cụ thể như sau: Bà L vay ông 500.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T1, vay 220.000.000 đồng sau này ghi tổng hợp trong 01 Giấy vay tiền ngày 04/12/2012. Tuy nhiên, việc vay tiền này ông đã khởi kiện bà T1 tổng số tiền 720.000.000 đồng, được TAND thành phố Bắc Giang giải quyết theo bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 về việc “Kiện đòi tài sản”, bản án đã quyết định buộc bà T1 trả ông 220.000.000 đồng và không chấp nhận phần yêu cầu đòi tiền 500.000.000 đồng đối với bà T1. Bản án này bà T1 kháng cáo, được xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, đến nay bà T1 đã thi hành xong nghĩa vụ trả 220.000.000 đồng cho ông. Số tiền 500.000.000 đồng bà L vay, thì thực chất bà L đã trả ông được 215.000.000 đồng từ trước khi xét xử bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 về việc “Kiện đòi tài sản”, bà L hiện vẫn còn nợ ông 285.000.000 đồng trong khoản vay 500.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên, ông không khởi kiện đòi bà L số tiền này trong vụ án này.

Đối với Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 17/6/2014, bản chất sự việc là bà L đến nhà ông hỏi vay tiền để kinh doanh, ông đồng ý cho vay nên ông lấy tiền của ông và huy động vay của người khác để cho bà L vay, ngày 14/12/2012 ông mang tiền mặt đến khách sạn K tại đường N, thành phố B gặp bà L và đưa 720.000.000 đồng cho bà L vay, khi đó bà L viết giấy vay tiền 720.000.000 đồng, thời hạn vay từ 03 tháng – 05 tháng, không thỏa thuận lãi. Sau này ông đi đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Do đi lại đòi tiền bà L nhiều lần, bị mưa gió, giấy tờ bà L viết bị rách, ông yêu cầu bà L viết lại giấy vay tiền, nên ngày 17/6/2014 bà L viết lại Giấy vay tiền cho ông. Sau đó, ông đòi nhiều lần bà L không trả tiền, nên năm 2018-2019 ông làm đơn tố cáo bà L đến Công an thành phố B, năm 2020 Công an thành phố B chuyển đơn sang Công an tỉnh B giải quyết, ngày 25/6/2020 Công an tỉnh đã ra Thông báo số 59/TB-CSHS với nội dung tố cáo của ông với bà L là vụ việc dân sự. Ông và bà L cũng thỏa thuận nhiều lần nhưng bà L không trả tiền, nên đến nay ông mới khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả ông 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) tiền vay theo Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 17/6/2014.

Việc khởi kiện này ông xác định chỉ là quan hệ cá nhân giữa ông và bà L, không liên quan đến người thứ ba nào khác. Ngoài ra ông không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án này.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà L trình bày như sau:*

Bà và ông Nguyễn Văn H có mối quan hệ kết nghĩa từ thời mẹ đẻ bà. Ông H khởi kiện yêu cầu bà trả 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng) tiền vay theo Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 17/6/2014. Bà xác nhận thời điểm

cuối năm 2012 đầu năm 2013 bà có vay tiền ông H tổng 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể khi đó bà làm đại lý xăng dầu và có bà Nguyễn Thị T1 làm cùng, khi bà vay tiền ông H, thì bà giao dịch với bà Hoàng Thị L1 (là vợ ông H), khi vay tiền bà giao cho bà T1 lên lấy tiền tại nhà ông H, khi lấy tiền bà T1 ký vào sổ của vợ chồng bà L1 ông H, sau thì ông H mang sổ này xuống và bà ký vào sổ của vợ chồng bà L1 ông H nơi mà bà T1 đã ký trước đó khi lấy vay tiền hộ bà. Đến ngày 04/12/2012 bà đã vay 04 lần của ông H và bà L1, tổng 500.000.000 đồng, nên bà T1 viết Giấy vay tiền ngày 04/12/2012 ghi lại 04 lần bà vay tiền ông H, bà L1 (cụ thể ngày 28/11/2012 vay 80.000.000 đồng, ngày 29/11/2012 vay 250.000.000 đồng ngày 03/12/2012 vay 46.000.000 đồng; ngày 04/12/2012 vay 124.000.000 đồng) tổng là 500.000.000 đồng, bà là người ký vay và đưa cho ông H, bà L1. Sau đó bà tiếp tục vay tiền ông H, bà L1 02 lần nữa, cụ thể ngày 10/12/2012 vay 140.000.000 đồng, ngày 10/01/2012 vay 80.000.000 đồng vẫn với cách thức giao dịch ký như trên, bà và bà T1 ký sổ nhà ông H, bà L1, sau đó ông H mang Giấy vay tiền ngày 04/12/2012 nêu trên đến và bà viết tiếp 02 lần vay, bà và bà T1 ký ở bên dưới. Do đó, tổng số tiền bà vay của ông H là 720.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 04/12/2012.

Đối với Giấy biên nhận vay tiền ghi 17/6/2014 là do bà viết theo mẫu do ông H mang xuống, nhưng bản chất là bà viết tổng hợp lại tiền vay 720.000.000 đồng theo nội dung vay trong Giấy vay tiền ngày 04/12/2012, do sơ suất bà đã ghi nhầm ngày nội dung “Giấy này thay cho giấy tôi vay ngày 14/12/2012” trong Giấy biên nhận vay tiền ghi 17/6/2014, thực chất là ghi thay cho giấy bà vay ngày 04/12/2012; cũng do tin tưởng và sơ suất bà đã không thu lại Giấy vay tiền ngày 04/12/2012. Do đó, năm 2023 ông H khởi kiện bà T1 đòi 720.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 04/12/2012, Tòa án đã xét xử và chỉ chấp nhận buộc bà T1 trả 220.000.000 đồng là phần tiền bà vay, nhưng bà T1 ký (Cụ thể ngày 10/12/2012 vay 140.000.000 đồng, ngày 10/01/2012 vay 80.000.000 đồng trong Giấy vay tiền ngày 04/12/2012).

Đối với tiền vay của bà với ông H, bà L1, bà đã trả nhiều lần từ năm 2013 đến năm 2019, tổng số tiền đã trả là 215.500.000 đồng, khi trả ông H bà L1 nhận đều ghi sổ hoặc có viết giấy ký nhận. Do đó bà xác định đến nay chỉ còn nợ vợ chồng ông H bà L1 285.500.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Thảo bày như sau:*

Bà và bà L là hai chị em, thời gian năm 2012 bà làm kế toán cho Công ty của bà L, thời điểm đó bà L có vay tiền của ông H để làm ăn, nên bà và bà L lên lấy tiền vay tại nhà ông H, bà là người viết giấy còn bà L ký vay tiền, tổng số vay là 720.000.000 đồng, bà L vay làm nhiều lần, lần vay tiền cuối cùng là 80.000.000 đồng vào ngày 10/01/2013. Tuy nhiên, việc vay tiền này ông H đã khởi kiện cá nhân bà với tổng số tiền 720.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012, được TAND thành phố Bắc Giang giải quyết theo bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 về việc “Kiện đòi tài sản”, bản án đã quyết định buộc bà trả ông H 220.000.000 đồng và không chấp nhận phần yêu cầu đòi tiền 500.000.000 đồng của ông H đối với bà theo Giấy vay tiền này. Bản

án này bà kháng cáo, được xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, đến nay bà đã thi hành xong nghĩa vụ trả 220.000.000 đồng theo bản án cho ông H. Đối việc ông H khởi kiện bà L 720.000.000 đồng, theo bà đây là khoản tiền vay 720.000.000 đồng nêu ở trên, lý do là trong Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 bà L viết nhầm nội dung ngày 04/12/2012 thành ngày 14/12/2012, bản chất Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 bà L viết lại Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012 đã được Tòa án giải quyết nêu ở trên.

Do đó bà xác định khoản tiền ông H đòi bà L 720.000.000 đồng hiện nay và khoản nợ 720.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012 là một.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà L1 không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án, chỉ có văn bản trình bày (do ông H nộp cho Tòa án) như sau: Bà L1 xác định việc khởi kiện giữa ông H và bà L không liên quan đến bà nên bà không tham gia tố tụng tại Tòa án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông H trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà L, đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả số tiền vay 720.000.000 đồng theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014; ông xác nhận bà L đã trả 215.500.000 đồng, nhưng theo ông đây việc bà L trả cho là khoản tiền vay của Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012.

- Bà L trình bày: Từ năm 2012 bà làm kinh doanh xăng dầu nên có vay ông H, ông H cho bà vay làm nhiều lần, tổng số tiền bà đã vay chỉ là 720.000.000 đồng, Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 là việc bà viết lại Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012, do sơ suất bà đã ghi nhầm ngày 04/12/2012 thành ngày 14/12/2012; trong quá trình vay, bà trả nhiều lần với tổng số tiền là 215.500.000 đồng. Do đó, bà xác định chỉ còn nợ ông H 284.500.000 đồng.

- Bà T1 trình bày: Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 bà L viết lại Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012, nhưng do bà L viết nhầm nội dung “ngày 04/12/2012” thành “ngày 14/12/2012”, nên ông H lợi dụng việc này để khởi kiện bà L; khoản tiền ông H đòi bà L 720.000.000 đồng hiện nay và khoản nợ 720.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ghi ngày 04/12/2012 là một.

- Luật sư Nguyễn Thế T: Nguyên đơn trình bày có nhiều mâu thuẫn về khoản vay, thời điểm vay, không đủ căn cứ xác định việc bà L vay ông H 720.000.000 đồng vào ngày 14/12/2012, nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn H 504.500.000 đồng (Năm trăm lẻ tư triệu năm trăm nghìn đồng) theo Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 17/6/2014.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị L nộp đơn kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà khẳng định chỉ vay ông H tổng số tiền 720.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 04/12/2012, không có khoản tiền vay 720.000.000đồng ngày 14/12/2012, giấy vay ngày 17/6/2014 là viết lại khoản vay tiền vay 720.000.000đồng ngày 04/12/2012 nhưng do nhầm lẫn bà viết nhầm thành ngày 14/12/2012. Do việc làm ăn bị thua lỗ, gặp nhiều khó khăn nên bà mới thanh toán trả ông H 215.500.000đồng, số tiền còn nợ chưa thanh toán trả hết. Nếu ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện xuống còn 300.000.000đồng và xác nhận ngoài số tiền 300.000.000đồng phải trả bà không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản vay nào khác cho ông H, các giấy vay tiền ngày 04/12/2012, ngày 14/12/2012 và ngày 17/6/2014 hết giá trị thì bà đồng ý thanh toán trả ông H số tiền là 300.000.000đồng. Nếu ông H không đồng ý bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày. Ông khẳng định khoản tiền vay ngày 04/12/2012 và khoản tiền vay ngày 14/12/2012 là hai khoản vay độc lập. Do nhiều lần đi đòi nhưng bà L chưa trả, giấy vay ngày 14/12/2012 bị rách nát nên ông và bà L thỏa thuận viết lại khoản tiền vay 720.000.000đồng ngày 14/12/2012 bằng giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014. Do có mối quan hệ thân quen, ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L trả số tiền vay 300.000.000 đồng vào thời gian trả cụ thể như sau: Ngày 16/10/2025 (dương lịch) trả 150.000.000đồng, ngày 16/11/2025 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng. Nếu bà L vi phạm nghĩa vụ của kỳ thanh toán thì ông có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà L. Ông xác nhận ngoài số tiền 300.000.000đồng bà L có nghĩa vụ phải trả theo thời gian nêu trên, đến thời điểm này bà Nguyễn Thị L không còn nghĩa vụ thanh toán trả ông bất kỳ khoản tiền vay nào khác; giấy vay tiền ngày 04/12/2012, ngày 14/12/2012 và giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 không còn giá trị. Bà Hoàng Thị L1 là vợ ông không liên quan tới khoản tiền vay giữa ông và bà L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đồng ý trả ông Nguyễn Văn H số tiền 300.000.000đồng theo kỳ hạn trả nợ gồm: Ngày 16/10/2025 (dương lịch) trả số tiền 150.000.000đồng, ngày 16/11/2025 (dương lịch) trả 150.000.000đồng; đồng ý với ý kiến ông H nếu bà vi phạm nghĩa vụ của kỳ thanh toán thì ông H có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà. Bà đồng ý với ý kiến ông Nguyễn Văn H xác nhận ngoài số tiền 300.000.000đồng bà có nghĩa vụ phải trả ông H theo thời gian nêu trên, đến nay bà không còn nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Văn H bất kỳ khoản tiền vay nào khác, giấy vay tiền ngày 04/12/2012, ngày 14/12/2012 và giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 không còn giá trị.

Bà Nguyễn Thị T1 giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án sơ thẩm, nhất trí với thỏa thuận của ông H ,bà L tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã chấp hành hành đầy đủ nội quy phiên tòa, các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số số 01/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Bắc Ninh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Văn H 300.000.000 đồng tiền vay, thời gian trả cụ thể như sau: Ngày 16/10/2025 (dương lịch) trả số tiền 150.000.000 đồng, ngày 16/11/2025 (dương lịch) trả 150.000.000 đồng. Ngoài số tiền 300.000.000 đồng bà L có nghĩa vụ phải trả ông Nguyễn Văn H theo bản án này, bà Nguyễn Thị L không có nghĩa vụ phải thanh toán trả bất kỳ khoản tiền vay nào khác cho ông Nguyễn Văn H.

Nếu bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ của kỳ thanh toán nêu trên thì ông Nguyễn Văn H có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H. Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn- bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bà Nguyễn Thị L trả 300.000.000 đồng tiền vay gồm: Ngày 16/10/2025 (dương lịch) trả số tiền 150.000.000 đồng, ngày 16/11/2025 (dương lịch) trả số tiền 150.000.000 đồng, ngoài ra ông H không còn yêu cầu khởi kiện nào khác. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại đơn kháng cáo, bà Nguyễn Thị L kháng cáo không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thay đổi kháng cáo đồng ý thanh toán trả ông H số tiền 300.000.000đồng theo phân kỳ trả nợ theo yêu cầu của ông H nêu trên. Ngoài ra, bà L đồng ý cam kết nếu vi phạm nghĩa vụ của kỳ trả nợ thì ông H có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà L.

[2.3] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đã tự thỏa thuận, thống nhất được việc giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L cũng thỏa thuận xác nhận ngoài nghĩa vụ thanh toán trả 300.000.000đồng theo bản án này bà Nguyễn Thị L không phải có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản tiền vay nào khác cho ông Nguyễn Văn H; giấy vay tiền ngày 04/12/2012, ngày 14/12/2012 và giấy biên nhận vay tiền ngày 17/6/2014 không còn giá trị. Quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm bà Hoàng Thị L1 xác định việc khởi kiện giữa ông H và bà L không liên quan gì tới bà L1. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông H, bà L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Bắc Ninh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147; Điều 148; Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Văn H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền vay, thời gian trả cụ thể như sau: Ngày 16/10/2025 (dương lịch) trả số tiền 150.000.000đồng, ngày 16/11/2025 (dương lịch) trả số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài số tiền 300.000.000đồng bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ phải trả ông Nguyễn Văn H theo bản án này, bà Nguyễn Thị L không có nghĩa vụ phải thanh toán trả bất kỳ khoản tiền vay nào khác cho ông Nguyễn Văn H.

Nếu bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ của kỳ thanh toán nêu trên thì ông Nguyễn Văn H có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của bà L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H. Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND Khu vực 1- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 1- Bắc Ninh.
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

